



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 09 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thử nghiệm sản phẩm năng lượng mặt trời JASOLAR Việt Nam**

Laboratory: **JA SOLAR VIET NAM PV PRODUCT TESTING CENTER**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH JA SOLAR Việt Nam**

Organization: **JA SOLAR VIETNAM COMPANY LIMITED**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1465**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**

Field: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Chen Lei Ying**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /09/2025 đến ngày 27/10/2030**

Địa chỉ/ Address: **Lô G, Khu công nghiệp Quang Châu, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**
Lot G, Quang Chau industry zone, Nenh ward, Bac Ninh province, Viet Nam

Địa điểm/ Location: **Lô G, Khu công nghiệp Quang Châu, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**
Lot G, Quang Chau industry zone, Nenh ward, Bac Ninh province, Viet Nam

Điện thoại/ Tel: **0363800698**

Email: **chenly@jasolar.com**

Website: **www.jasolar.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1465

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Mô đun quang điện <i>PV module</i>	Kiểm tra ngoại quan: – Kiểm tra diện tích của tất cả các bóng khí; – Kiểm tra diện tích số tấm pin hỏng; – Kiểm tra diện tích các bóng khí và ăn mòn; <i>Visual inspection:</i> – <i>Inspect all bubble areas;</i> – <i>Inspect cracked area;</i> – <i>Inspect bubbles and visible corrosion;</i>	-	IEC 61215-2:2021
2.		Xác định công suất tối đa <i>Determination of maximum power</i>	(25 ± 2) °C Tại 1 000 W/m ² Bộ mô phỏng cấp AAA (25 ± 2) °C <i>at 1 000 W/m²</i> <i>AAA class simulator</i>	IEC 61215-2:2021
3.		Thử cách điện <i>Insulation test</i>	VDC: Đến/ <i>To</i> : 8 000 V R: Đến/ <i>To</i> : 100 GΩ I: Đến/ <i>To</i> : 6 mA	IEC 61215-2:2021
4.		Thử ổn định trước UV <i>UV pre-conditioning test</i>	280 nm ~ 320 nm 320 nm ~ 400 nm UV: (3 ~ 10) %	IEC 61215-2:2021
5.		Thử chu kỳ nhiệt <i>Thermal cycling test</i>	TC50, TC200 -40 °C ~ +85 °C	IEC 61215-2:2021
6.		Thử nhiệt ẩm <i>Damp-heat test</i>	Tại/ <i>At</i> 1 000 h, 85 °C, 85% RH	IEC 61215-2:2021
7.		Thử suy thoái cảm ứng (PID) <i>Potential induced degradation test</i>	Tại/ <i>At</i> 85 °C, 85 %RH, 96 h, -1 500 V	IEC 61215-2:2021
8.		Thử độ ẩm - đóng băng <i>Humidity-freeze test</i>	HF10, tại 85 °C, 85% RH và tại -40 °C <i>HF10, at 85 °C, 85% RH and at -40 °C</i>	IEC 61215-2:2021

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1465

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Mô đun quang điện <i>PV module</i>	Thử dòng điện rò ướt <i>Wet leakage current test</i>	R: Đến/ To 100 GΩ VDC: Đến/ To: 1 500 V	IEC 61215-2:2021
10.		Thử mưa đá <i>Hail test</i>	D: 25 mm W: 7,53 g V: 23 m/s	IEC 61215-2:2021
11.		Thử tính ổn định: Trong nhà & Ngoài trời <i>Stabilization test: Indoor & Outdoor</i>	Trong nhà: (800 ~ 1 000) W/m ² (50 ± 10) °C Ngoài trời: Giá trị ngưỡng được đặt thành 500 W/m ² <i>Indoor:</i> (800 ~ 1 000) W/m ² (50 ± 10) °C <i>Outdoor: Threshold value is set to 500 W/m²</i>	IEC 61215-2:2021
12.		Thử độ bền chắc của đầu nối <i>Robustness of terminations test</i>	Thử hộp kết nối: 40 N Thử kéo dây: 30 N Độ xoắn: 0,1 N . m <i>The junction box test:</i> 40 N <i>Wire pull test: 30 N</i> <i>Torsion: 0,1 N . m</i>	IEC 61215-2:2021
13.		Thử tải cơ tĩnh <i>Static mechanical load test</i>	Mặt chính: Đến 5 400 Pa Mặt phụ: Đến 2 400 Pa I: Đến 0,1 A <i>Facade: to 5 400 Pa</i> <i>Side face: to 2 400 Pa</i> <i>I: to 0,1 A</i>	IEC 61215-2:2021
14.		Thử tải động <i>Cyclic (dynamic) mechanical load test</i>	Mặt chính: Đến 1 000 Pa Mặt phụ: Đến 1 000 Pa I: Đến 0,1 A <i>Facade: to 1 000 Pa</i> <i>Side face: to 1 000 Pa</i> <i>I: to 0,1 A</i>	IEC 61215-2:2021 và/and IEC TS 62782:2016

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1465

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
15.	Mô đun quang điện PV module	Thử cường độ bức xạ thấp <i>Performance at low irradiance test</i>	(25 ± 2) °C (200 ± 20) W/m ² Bộ mô phỏng cấp AAA/ <i>AAA class simulator</i>	IEC 61215-2:2021
16.		Thử quá tải dòng điện ngược <i>Reverse current overload test</i>	DC: Đến/To 40,5 A	IEC 61730-2:2023
17.		Thử điểm nóng <i>Hot-spot endurance test</i>	(25 ± 2) °C Tại 1 000 W/m ² Bộ mô phỏng cấp AAA (1 000 ± 100) W/m ² & (BSI ± 50) W/m ² tại bề mặt module nhiệt độ (55 ± 15) °C (25 ± 2) °C at 1 000 W/m ² <i>AAA class simulator (1 000 ± 100) W/m² & (BSI ± 50) W/m² at module surface temperature (55 ± 15) °C</i>	IEC 61215-2:2021
18.		Kiểm tra tính liên tục đẳng thế <i>Equipotential continuity check</i>	DC: Đến/ To 75 A	IEC 61730-2:2023
19.		Thử tiếp xúc ngoài trời <i>Outdoor exposure test</i>	Đề mô-đun chịu bức xạ tổng cộng ít nhất 60 kWh/m ² <i>Subject the module to an irradiation totalling at least 60 kWh/m²</i>	IEC 61215-2:2021
20.		Đo hệ số nhiệt độ <i>Measurement of temperature coefficients</i>	Tại 1 000 W/m ² Bộ mô phỏng cấp AAA (25 ± 2) °C at 1 000 W/m ² <i>AAA class simulator</i>	IEC 61215-2:2021 và/and IEC 60891:2021

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1465**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
21.	Mô đun quang điện PV module	Thử nghiệm LID (trong nhà) <i>Light induced degradation test (Indoor)</i>	Trong nhà/ <i>Indoor</i> : (800 ~ 1 000) W/m ² (50 ± 10) °C	IEC 61215-2:2021

Chú thích/ Note:

- IEC: *International Electrotechnical Commission.*
- Trường hợp Công ty TNHH JA SOLAR Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH JA SOLAR Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for JA SOLAR VIETNAM COMPANY LIMITED that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

